

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

**CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027****MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 28/08/2026*

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

**Mã đề: L10.CK1.005****TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Hai lực cùng phương cùng chiều, độ lớn 3 N và 10 N, cùng tác dụng lên một vật. Hợp lực có độ lớn

- A. 13 N                      B. 7 N                      C. 30 N                      D. 10 N

**Câu 2.** Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối (0 s; 0 m) với (2 s; 79 m), đoạn thứ hai nối (2 s; 79 m) với (10 s; 79 m). Vận tốc trung bình của vật trong cả 10 s bằng

- A. 39,5 m/s                      B. 7,9 m/s                      C. 79 m/s                      D. 19,8 m/s

**Câu 3.** Để đo thời gian một vật trượt hết mặt phẳng nghiêng, người ta dùng phương pháp nào?

- A. Phương pháp mô hình                      B. Phương pháp thực nghiệm  
C. Phương pháp thống kê xã hội học                      D. Không cần phương pháp nào, chỉ cần suy đoán

**Câu 4.** Tiền tố  $n$  trong ký hiệu đơn vị ứng với thừa số nào?

- A.  $10^{-2}$                       B.  $10^{-9}$                       C.  $10^9$                       D.  $10^{-6}$

**Câu 5.** Để xác định đầy đủ một lực cần nêu những yếu tố nào?

- A. Chỉ cần độ lớn và đơn vị.                      B. Chỉ cần phương và chiều.  
C. Điểm đặt và khối lượng của vật.                      D. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

**Câu 6.** Trường hợp nào sau đây vật được coi là chất điểm?

- A. Xét chuyển động của cánh quạt đang quay.  
B. Xét chuyển động của ô tô khi lùi vào chỗ đỗ dài bốn mét.  
C. Xét dao động của một con lắc lò xo có vật nặng dài bằng nửa biên độ.  
D. Xét chuyển động của viên đạn bay trên quãng đường một kilômét.

**Câu 7.** Dưới tác dụng của một ngẫu lực, vật rắn sẽ

- A. chuyển động thẳng theo chiều lực lớn hơn.  
B. vừa quay vừa tịnh tiến theo hướng của một trong hai lực.  
C. quay quanh trục đi qua trọng tâm mà không tịnh tiến.  
D. đứng yên hoàn toàn vì hợp lực bằng không.

**Câu 8.** Moment của một lực đối với một trục quay được tính bằng

- A. tích của độ lớn lực với khoảng cách từ trục quay tới điểm đặt của lực.  
B. tổng của độ lớn lực và cánh tay đòn.  
C. thương của độ lớn lực và cánh tay đòn.  
D. tích của độ lớn lực với khoảng cách từ trục quay tới giá của lực.

**Câu 9.** Công thức nào cho phép tính độ dịch chuyển của chuyển động thẳng biến đổi đều khi biết thời gian?

A.  $d = v_0 t + \frac{1}{2} a t^2$

B.  $d = v_0 t + a t^2$

C.  $d = \frac{1}{2} a t^2$

D.  $d = v_0 t + \frac{1}{2} a t$

**Câu 10.** Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi  $r = aL + b$  ( $a > 0$ ,  $b$  đều chưa biết). Kỹ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

| Dãy đo                        | Số chỉ thị (mm)      |
|-------------------------------|----------------------|
| Chuẩn 0 (không tải): $r_0$    | 0, 16 0, 16 0, 17    |
| Chuẩn chiều dài $L_S$ : $r_S$ | 39, 76 39, 77 39, 78 |
| Chi tiết cần kiểm: $r_X$      | 12, 99 13 13         |

Chuẩn chiều dài có  $L_S = 44$  mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là  $\delta = 0,01$  mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy  $c$  là giá trị trung bình,  $\Delta$  bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là  $[c - \Delta; c + \Delta]$ . Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng  $L_X$  được làm tròn **hướng ra ngoài** đến 0,01 mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai  $[14, 2; 14, 25]$  mm. Báo cáo nào đúng?

A.  $L_X \in [14, 25; 14, 26]$  mm — **không đạt** dung sai

B.  $L_X \in [14, 23; 14, 28]$  mm — **đạt** dung sai

C.  $L_X \in [14, 23; 14, 28]$  mm — **không đạt** dung sai

D.  $L_X \in [14, 36; 14, 4]$  mm — **không đạt** dung sai